TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tài

Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Anna Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1174/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số: 23/2019/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Việt Phương V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh Cao Bá D, sinh năm 1990

Đia chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Việt Phương V trình bày:

Chị và anh Cao Bá D chung sống với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, kinh tế gia đình khó khăn, bản thân anh D không

có trách nhiệm với gia đình, không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con nên cuộc sống thật sự không hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm nên đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cao Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/11/2008. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Bị đơn anh Cao Bá D* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Toà ghi tự khai nhưng hết thời hạn 15 ngày bị đơn không có ý kiến bằng văn bản và cũng không gửi cho Toà án các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham gia phiên họp vào ngày 22/11/2018 và 21/02/2019 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Anh Cao Bá D đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện thực tế cư trú tại địa chỉ tại Đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh D; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh D vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ vào các Điều 56, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Việt Phương V được ly hôn với anh Cao Bá D.

Về con chung: Giao cháu Cao Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/11/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của chị V, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 do Uỷ ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2009, xác định hôn nhân giữa chị V và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân chị V xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, bản thân anh D không có trách nhiệm với gia đình, không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con nên chị không còn tình cảm. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, anh D mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh D không thể hàn gắn vì vợ chồng đã có thời gian sống ly thân năm 2014 mà cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn, quan hệ hôn nhân chỉ còn là hình thức, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tuy kết quả xác minh tại địa phương không xác định được mâu thuẫn nhưng từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh D hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị V là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cao Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/11/2008, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu H. Xét thấy, hiện nay cháu đang sinh sống ổn định với chị V, đồng thời khi tham khảo ý kiến thì cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Việt Phương V phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Việt Phương V được ly hôn với anh Cao Bá D (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Uỷ ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 10 năm 2009 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/11/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị V có yêu cầu.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Nguyễn Việt Phương V phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0029955 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị V đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G, TP.HCM;
- Chi cục thi hành án dân sự quận G;
- UBND phường M, quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên